

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 37
Phụ lục cung cấp thông tin hợp nhất	38 - 41



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1364/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Cơ khí - một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số Doanh nghiệp 2900428497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20/01/2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX NGHE TINH TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: PTS NGHỆ TĨNH.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Huân	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm theo QĐ số 0350/PLX-HĐQT của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ngày 03/04/2015)
Ông Phạm Đức Thắng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm theo QĐ số 0350/PLX-HĐQT của Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam ngày 03/04/2015)
Ông Hoàng Công Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hải	Ủy viên
Ông Mạnh Xuân Hùng	Ủy viên
Ông Trần Trung Thành	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

##### **Ban Giám đốc**

Ông Hoàng Công Thành	Giám đốc
Ông Trương Hồng Toàn	Phó Giám đốc
Ông Mạnh Xuân Hùng	Phó Giám đốc

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Hoàng Công Thành**  
**Giám đốc**

*Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2016*

Số: 147/2016/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
về Báo cáo tài chính năm 2015  
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh, ngày 15 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2016*

---

**Bùi Thị Thúy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>36.054.280.840</b>	<b>37.983.605.044</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>4.353.887.444</b>	<b>1.557.699.095</b>
1. Tiền	111		4.353.887.444	1.557.699.095
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.678.056.263</b>	<b>20.686.537.208</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.952.478.142	10.517.756.155
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	4.441.237.499	9.317.205.517
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.002.377.651	1.185.662.580
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(718.037.029)	(334.087.044)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>10.184.696.955</b>	<b>10.734.415.146</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	10.184.696.955	10.734.415.146
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.837.640.178</b>	<b>5.004.953.595</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.894.404.978	2.847.853.449
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	29.801.001	1.215.330.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	913.434.199	941.769.802
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>112.663.238.413</b>	<b>90.025.301.880</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>107.355.190.397</b>	<b>81.753.111.603</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	106.052.599.519	80.103.552.333
- Nguyên giá	222		166.020.749.386	130.901.935.522
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.968.149.867)	(50.798.383.189)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.302.590.878	1.649.559.270
- Nguyên giá	228		2.639.871.983	2.639.871.983
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.337.281.105)	(990.312.713)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>412.851.960</b>	<b>1.297.732.380</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	412.851.960	1.297.732.380
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.895.196.056</b>	<b>6.974.457.897</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.895.196.056	6.974.457.897
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>148.717.519.253</b>	<b>128.008.906.924</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

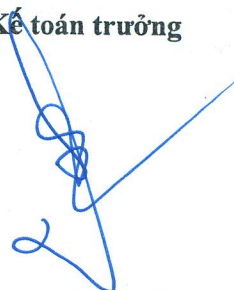
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>115.058.272.358</b>	<b>95.650.199.359</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>62.366.973.322</b>	<b>66.724.408.723</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	3.535.636.264	3.347.000.674
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	886.301.372	435.277.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	772.653.321	684.645.342
4. Phải trả người lao động	314		4.248.364.029	295.621.852
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	51.693.000	216.122.179
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.655.583.165	2.371.582.874
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	50.978.240.200	59.497.001.800
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		238.501.971	(122.843.789)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.691.299.036</b>	<b>28.925.790.636</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	52.691.299.036	28.925.790.636
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>33.659.246.895</b>	<b>32.358.707.565</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>33.659.246.895</b>	<b>32.358.707.565</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.000.000.000	23.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.000.000.000	23.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		326.109.150	326.109.150
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.323.852.655	5.823.003.726
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.009.285.090	3.209.594.689
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.009.285.090	3.209.594.689
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>148.717.519.253</b>	<b>128.008.906.924</b>

Người lập biểu



Trần Thị Hồi

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Tiến

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Hoàng Công Thành



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

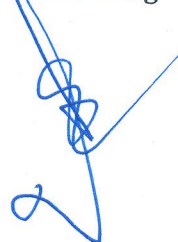
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	692.784.580.811	817.472.112.021
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	1.422.455.900	442.213.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	691.362.124.911	817.029.899.021
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	631.393.551.190	766.134.642.492
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>59.968.573.721</b>	<b>50.895.256.529</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	148.772.111	127.048.205
7. Chi phí tài chính	22	5.21	6.603.837.438	6.944.183.207
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.565.019.334</i>	<i>6.860.103.420</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.22	33.332.027.499	25.592.642.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	16.494.178.593	14.828.979.532
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>3.687.302.302</b>	<b>3.656.499.152</b>
11. Thu nhập khác	31	5.23	2.723.411.932	1.552.324.257
12. Chi phí khác	32	5.23	1.199.235.510	948.761.825
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		<b>1.524.176.422</b>	<b>603.562.432</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.211.478.724</b>	<b>4.260.061.584</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.202.193.634	1.050.466.895
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>4.009.285.090</b>	<b>3.209.594.689</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	1.743	1.395
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Hồi

Kế toán trưởng



Đào Ngọc Tiến

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Hoàng Công Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.211.478.724	4.260.061.584
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15.572.372.229	10.837.653.436
- Các khoản dự phòng	03	383.949.985	100.226.113
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.687.152.042)	-
- Chi phí lãi vay	06	6.565.019.334	6.944.183.207
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.045.668.230	22.142.124.340
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.470.545.542	(4.007.268.368)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.099.436.382	2.831.023.149
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.184.328.885	1.952.347.050
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.032.710.312	(817.477.063)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.565.019.334)	(6.944.183.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.118.111.486)	(891.350.486)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	627.869.711
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(817.181.637)	(601.522.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29.332.376.894	14.291.563.126
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.355.119.388)	(26.508.434.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.723.411.932	1.017.181.819
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	148.772.111	127.048.205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39.482.935.345)	(25.364.204.010)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	478.780.000.000	558.582.246.025
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(463.533.253.200)	(542.380.375.604)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(3.575.874.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.300.000.000)	(1.610.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.946.746.800	11.015.995.921
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	2.796.188.349	(56.644.963)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.557.699.095	1.614.344.058
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	4.353.887.444	1.557.699.095

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2016

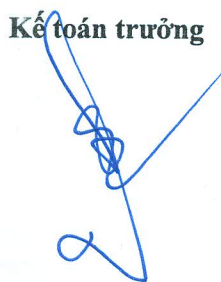
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Hồi



Đào Ngọc Tiên



Hoàng Công Thành

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1364/QĐ-BTM ngày 03/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Cơ khí - một bộ phận thuộc Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần có Mã số Doanh nghiệp 2900428497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 06/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 20/01/2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROLIMEX NGHE TINH TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt: PTS NGHỆ TĨNH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 của Công ty là 23.000.000.000 đồng, được chia thành 2.300.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số Cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.173.000	11.730.000.000	51,00%
Các cổ đông khác	1.127.000	11.270.000.000	49,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.300.000</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm 13, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số lao động bình quân trong năm 2015: 380 người.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2900428497 cấp ngày 22/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Chi tiết: Vận tải xăng dầu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, Chi tiết: Mua, bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, Chi tiết: Mua, bán vật tư thiết bị chuyên dùng ngành xăng dầu; Mua, bán thiết bị trường học; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Chi tiết: Mua, bán sách, văn phòng phẩm; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch, Chi tiết: Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và Quốc tế; Giáo dục nghề nghiệp, Chi tiết: Dịch vụ đào tạo nghề, dịch vụ đào tạo lái xe mô tô, ô tô; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khách liên quan đến vận tải, Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết: Cho thuê xe tập lái; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sửa chữa thiết bị khác, Chi tiết: Sửa chữa cơ khí; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, Chi tiết: Dịch vụ kỹ thuật, đại tu, sửa chữa, cải tạo phương tiện xe máy; Hoạt động viễn thông có dây, Chi tiết: Dịch vụ điện thoại; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Hoạt động chuyên môn, khoa học và Công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; Lấy mẫu quan trắc và giám sát môi trường (doanh nghiệp chỉ được hoạt động quan trắc môi trường sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép); Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm lý hóa, vi sinh;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

Tư vấn lập đề án khai thác nước ngầm, nước mặt và xả thải vào nguồn nước, các dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn; Dịch vụ xử lý nước và môi trường, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường; Khảo sát điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư. Điều hành tua du lịch (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc hoạt động cho thuê lại lao động); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất./.

Trong năm 2015, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Mua bán xăng dầu, vận tải xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu, đào tạo lái xe, và sửa chữa cơ khí.

#### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 1 đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ góp vốn</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>
Trung tâm Đào tạo Lái xe - Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh.	Đào tạo và sát hạch lái xe.	100%	100%

#### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của thông tư 200 kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số nội dung trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm 2014 (được soạn lập dựa trên Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và thông tư 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính), do đó các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

##### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

##### Tiền đang chuyển

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

#### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

##### Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các cửa hàng xăng dầu.

#### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Quyền sử dụng đất có thời hạn tại các cửa hàng Xăng dầu là thuê đất có thời hạn được phân bổ theo thời gian thuê đất là 10 năm, các chương trình phần mềm thời gian phân bổ từ 5 đến 10 năm.

#### Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc kế toán Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê các cửa hàng xăng dầu thời hạn thuê 10 năm trả trước chi phí 5 năm và tiến hành phân bổ định kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ, dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa là 3 năm.

#### Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời điểm và việc xác định cuối cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Nguyên tắc Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

###### *Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

##### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Công cụ tài chính

###### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

###### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

##### Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là vận tải, kinh doanh xăng dầu, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	649.469.609	39.921.712
Tiền gửi ngân hàng	2.422.665.085	1.517.777.383
Tiền đang chuyển	1.281.752.750	-
<b>Tổng</b>	<b>4.353.887.444</b>	<b>1.557.699.095</b>

##### 5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>11.952.478.142</b>	<b>10.517.756.155</b>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	4.086.543.642	3.445.459.660
Phải thu các CH Xăng dầu & Trung tâm Gas	3.745.996.536	3.106.534.162
Phải thu khách hàng của TTĐTLX	2.543.423.080	2.978.993.980
Phải thu các khách hàng khác	1.576.514.884	986.768.353
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>11.952.478.142</b>	<b>10.517.756.155</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	3.349.147.103	1.130.402.199
DNTN Hồng Ngọc	540.000.000	140.000.000
Công ty TNHH phát triển công nghệ Phong Vũ	469.305.086	-
Công ty CP ô tô Vũ Linh	-	5.544.000.000
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	1.998.605.774
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	82.785.310	504.197.544
<b>Trả trước người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>4.441.237.499</b>	<b>9.317.205.517</b>
<i>Trong đó trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	3.349.147.103	1.130.402.199
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	1.998.605.774

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.002.377.651</b>	-	<b>1.185.662.580</b>	-
Nguyễn Hồng Lam	195.000.000	-	215.375.000	-
(thu qua lương)	-	-	170.446.000	-
Tiền làm CHXD	-	-	341.271.000	-
+Bãi đỗ xe Hưng Đông	-	-	458.570.580	-
Tạm ứng	245.443.294	-	-	-
Phải thu khác	561.934.357	-	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.002.377.651</b>	-	<b>1.185.662.580</b>	-

**5.5 Dự phòng phải thu khó đòi**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty TNHH Tuấn Việt	(132.878.719)	(162.878.719)
Công ty CP XDTM & DV Xuân Tùng	(91.208.325)	(91.208.325)
Công ty CP KSXD dầu khí Nghệ An	(40.000.000)	(80.000.000)
Cty CP VT và ĐT xây dựng 805	(163.500.871)	-
Công ty TNHH KD Vận tải Đức Mạnh	(179.962.712)	-
Công ty TNHH Lộc Quỳnh	(36.661.092)	-
Sở kế hoạch	(73.825.310)	-
<b>Tổng</b>	<b>(718.037.029)</b>	<b>(334.087.044)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	206.988.189	-	114.832.022	-
Hàng hoá	9.977.708.766	-	10.619.583.124	-
+ Xăng dầu	4.962.510.489	-	7.010.308.091	-
+ Hóa dầu	3.718.058.555	-	2.657.701.095	-
+ Gas, bếp và phụ kiện	802.510.674	-	765.234.574	-
+ Hàng hóa khác	494.629.052	-	186.339.364	-
<b>Tổng</b>	<b>10.184.696.955</b>	<b>-</b>	<b>10.734.415.146</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.894.404.978</b>	<b>2.847.853.449</b>
Chi phí xăm lốp, bình điện	904.389.464	1.372.243.850
Chi phí sửa chữa lớn	2.368.408.629	451.393.073
Chi phí bảo hiểm phương tiện	358.475.665	596.877.357
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	118.167.352	222.812.101
Chi phí chờ phân bổ khác	144.963.868	204.527.068
<b>Dài hạn</b>	<b>4.895.196.056</b>	<b>6.974.457.897</b>
Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	393.483.067	89.210.815
Chi phí thuê mặt bằng - CHXD Diễn Đồng	-	157.500.000
Chi phí sửa chữa TSCĐ (thuê ngoài + tự làm)	-	1.987.460.521
Chi phí thuê Cửa hàng xăng dầu	4.501.712.989	3.327.710.927
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.412.575.634
<b>Tổng</b>	<b>8.789.601.034</b>	<b>9.822.311.346</b>

**5.8 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2015	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong kỳ	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong kỳ	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	29.801.001	71.944.909.594	73.130.438.937	1.215.330.344
Thuế GTGT đầu ra của hàng bán nội địa	913.434.199	913.434.199	941.769.802	941.769.802
<b>Tổng</b>	<b>943.235.200</b>	<b>72.858.343.793</b>	<b>74.072.208.739</b>	<b>2.157.100.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Năm 2015	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	50.646.852.799	5.805.400.820	72.147.795.506	2.301.886.397	130.901.935.522
Tăng trong năm	6.571.827.496	1.335.333.710	32.519.858.182	1.928.100.000	42.355.119.388
Mua sắm mới	-	1.335.333.710	32.519.858.182	1.928.100.000	35.783.291.892
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.571.827.496	-	-	-	6.571.827.496
Giảm trong năm	37.037.230	-	7.199.268.294	-	7.236.305.524
Thanh lý, nhượng bán	37.037.230	-	7.199.268.294	-	7.236.305.524
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>57.181.643.065</b>	<b>7.140.734.530</b>	<b>97.468.385.394</b>	<b>4.229.986.397</b>	<b>166.020.749.386</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2015	15.425.249.796	4.269.337.965	29.598.797.686	1.504.997.742	50.798.383.189
Tăng trong năm	3.441.384.617	588.819.781	10.744.078.569	451.120.871	15.225.403.838
Khấu hao trong năm	3.441.384.617	588.819.781	10.744.078.569	451.120.871	15.225.403.838
Giảm trong năm	19.841.373	-	6.035.795.787	-	6.055.637.160
Thanh lý, nhượng bán	19.841.373	-	6.035.795.787	-	6.055.637.160
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>18.846.793.040</b>	<b>4.858.157.746</b>	<b>34.307.080.468</b>	<b>1.956.118.613</b>	<b>59.968.149.867</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2015	35.221.603.003	1.536.062.855	42.548.997.820	796.888.655	80.103.552.333
Tại 31/12/2015	38.334.850.025	2.282.576.784	63.161.304.926	2.273.867.784	106.052.599.519

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 31/12/2015 là 4.238.592.753 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tại 31/12/2015 để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay lần lượt là 114.461.843.980 đồng và 82.220.331.607 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.10 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

Năm 2015	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	1.715.398.603	819.220.000	105.253.380	2.639.871.983
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	1.715.398.603	819.220.000	105.253.380	2.639.871.983
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2015	674.401.118	257.119.739	58.791.856	990.312.713
Tăng trong năm	152.065.710	184.377.344	10.525.338	346.968.392
Khấu hao trong năm	152.065.710	184.377.344	10.525.338	346.968.392
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	826.466.828	441.497.083	69.317.194	1.337.281.105
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2015	1.040.997.485	562.100.261	46.461.524	1.649.559.270
Tại 31/12/2015	888.931.775	377.722.917	35.936.186	1.302.590.878

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>412.851.960</b>	<b>1.297.732.380</b>
Cửa hàng Xăng dầu Hưng Đông	-	932.180.420
Bãi đậu xe Hưng Đông	412.851.960	365.551.960
<b>Tổng</b>	<b>412.851.960</b>	<b>1.297.732.380</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - ĐN

**5.12 Phải trả người bán**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.535.636.264</b>	<b>3.535.636.264</b>	<b>3.347.000.674</b>	<b>3.347.000.674</b>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển XD và TM Hưng Phát	1.963.513.781	1.963.513.781	1.296.544.182	1.296.544.182
Công ty Xăng dầu Nghệ An	500.460.476	500.460.476	-	-
Công ty TNHH Phát triển công nghệ Phong Vũ	469.305.086	469.305.086	-	-
Công ty TNHH Hùng Lan	-	-	1.663.000.000	1.663.000.000
Các nhà cung cấp khác	602.356.921	602.356.921	387.456.492	387.456.492
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.535.636.264</b>	<b>3.535.636.264</b>	<b>3.347.000.674</b>	<b>3.347.000.674</b>
<b>Các khoản Phải trả các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	278.563.260	278.563.260	164.864.096	164.864.096
Công ty Cổ phần BH Petrolimex (PJICO)	-	-	37.871.299	37.871.299
Công ty Xăng dầu Nghệ An	500.460.476	500.460.476	-	-

**5.13 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>886.301.372</b>	<b>886.301.372</b>	<b>435.277.791</b>	<b>435.277.791</b>
Khách hàng của cửa hàng trực thuộc	551.158.669	551.158.669	-	-
Tổ sửa chữa cột bơm	63.600.400	63.600.400	-	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & Thương mại Quang Nhật	-	-	200.000.000	200.000.000
Khách hàng trả trước của TTĐTLX	270.859.000	270.859.000	65.151.000	65.151.000
Các khách hàng khác	683.303	683.303	170.126.791	170.126.791
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>886.301.372</b>	<b>886.301.372</b>	<b>435.277.791</b>	<b>435.277.791</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	72.819.451.881	72.819.451.881	-
Thuế TNDN	384.237.465	1.202.193.635	1.118.111.487	300.155.317
Thuế thu nhập cá nhân	125.426.972	127.022.322	104.207.010	102.611.660
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	262.988.884	693.145.519	712.035.000	281.878.365
Các loại thuế khác	-	27.000.000	27.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>772.653.321</b>	<b>74.868.813.357</b>	<b>74.780.805.378</b>	<b>684.645.342</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.15 Chi phí phải trả khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>51.693.000</b>	<b>216.122.179</b>
Trích trước Chi phí nhiên liệu	51.693.000	216.122.179
<b>Tổng</b>	<b>51.693.000</b>	<b>216.122.179</b>

**5.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.655.583.165</b>	<b>2.371.582.874</b>
Kinh phí công đoàn	173.613.943	115.737.326
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	78.961.003	(40.125.149)
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	758.550.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.403.008.219	1.537.420.697
- Bảo hiểm PJICO Nghệ An	-	61.420.000
- Sở giao thông Nghệ An	-	199.991.206
- Tiền lương chưa trả của (VPCT & TTĐTLX)	943.972.592	1.159.602.492
- Phải trả khác	459.035.627	116.406.999
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>1.655.583.165</b>	<b>2.371.582.874</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.17 Vay và nợ ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>37.320.000.000</b>	<b>37.320.000.000</b>	<b>438.500.000.000</b>	<b>452.542.750.000</b>	<b>51.362.750.000</b>	<b>51.362.750.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (a)	320.000.000	320.000.000	127.500.000.000	134.668.750.000	7.488.750.000	7.488.750.000
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex (b)	13.500.000.000	13.500.000.000	25.000.000.000	15.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vinh (c)	15.500.000.000	15.500.000.000	85.500.000.000	89.999.000.000	19.999.000.000	19.999.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thủy (d)	-	-	88.000.000.000	92.675.000.000	4.675.000.000	4.675.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	8.000.000.000	8.000.000.000	112.500.000.000	119.700.000.000	15.200.000.000	15.200.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>13.658.240.200</b>	<b>13.658.240.200</b>	<b>13.658.240.200</b>	<b>8.134.251.800</b>	<b>8.134.251.800</b>	<b>8.134.251.800</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	5.516.911.200	5.516.911.200	5.516.911.200	3.935.879.800	3.935.879.800	3.935.879.800
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	330.529.000	330.529.000	330.529.000	1.680.572.000	1.680.572.000	1.680.572.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh	7.810.800.000	7.810.800.000	7.810.800.000	2.517.800.000	2.517.800.000	2.517.800.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>52.691.299.036</b>	<b>52.691.299.036</b>	<b>40.280.000.000</b>	<b>16.514.491.600</b>	<b>28.925.790.636</b>	<b>28.925.790.636</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (f)	14.118.003.036	14.118.003.036	10.358.000.000	6.223.038.600	9.983.041.636	9.983.041.636
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	-	665.649.000	665.649.000	665.649.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Vinh (g)	28.432.396.000	28.432.396.000	26.467.000.000	8.105.804.000	10.071.200.000	10.071.200.000
<b>Vay dài hạn cá nhân</b>	<b>10.140.900.000</b>	<b>10.140.900.000</b>	<b>3.455.000.000</b>	<b>1.520.000.000</b>	<b>8.205.900.000</b>	<b>8.205.900.000</b>
<b>Tổng</b>	<b>103.669.539.236</b>	<b>103.669.539.236</b>	<b>492.438.240.200</b>	<b>477.191.493.400</b>	<b>88.422.792.436</b>	<b>88.422.792.436</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

#### 5.17 Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

- (a) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1011/HDDHM-VIN-KHDN ngày 28 tháng 05 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi, được điều chỉnh tại thời điểm giải ngân và quy định trên khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay sử dụng bổ sung vốn lưu động, thanh toán hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Thời hạn giải ngân kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 27/05/2016.
- (b) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.0422/2015/HĐTDHM-DN/PGBHN ngày 29 tháng 04 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Hạn mức cho vay 40.000.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm hợp đồng 5,5%/năm, được điều chỉnh khi Ngân hàng có thông báo mới. Mục đích khoản vay sử dụng bổ sung vốn lưu động, thanh toán hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng.
- (c) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 106.15.810.1951849.TD ngày 17 tháng 07 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Hạn mức cho vay 30.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi, được điều chỉnh tại thời điểm giải ngân và quy định trên khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay sử dụng bổ sung vốn lưu động, thanh toán hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Thời hạn giải ngân kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 30/6/2016.
- (d) Hợp đồng tín dụng số 01/2015HĐTDHM/NHCT442-PTS ngày 20 tháng 05 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thủy với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Hạn mức cho vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) Biên độ không vượt sáu phần trăm một năm (0,6%/năm), thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 20/05/2015 đến ngày 20/05/2016. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng. Mục đích sử dụng khoản vay để thanh toán chi phí phục vụ kinh doanh xăng dầu, dầu mỡ nhờn, gas.
- (e) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0052.HĐTD2-404.15 ngày 06 tháng 06 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Hạn mức cho vay 34.000.000.000 đồng. Lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi, được điều chỉnh tại thời điểm giải ngân và quy định trên khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay sử dụng bổ sung vốn lưu động, thanh toán hoạt động kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu. Thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng.
- (f) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 1602/HĐDA-VIN-NHNT ngày 30 tháng 09 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh với Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh. Số tiền vay 10.358.000.000 đồng. Lãi suất trong 12 tháng đầu là 7,5%, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ. Mục đích khoản vay sử dụng đầu tư mua 6 xe đầu kéo và sơ mi rơ móc gắn xitec phục vụ kinh doanh vận tải xăng dầu. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày rút vốn.
- (g) Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0094.HĐTD2-404.15 ngày 19/10/2015 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh với số tiền 27.725.000.000 đồng. Lãi suất cho vay thả nổi. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày đầu tiên khoản vay được giải ngân, mục đích khoản vay: thanh toán một phần tiền mua xe đầu kéo và romooc phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải xăng dầu và đầu tư cửa hàng xăng dầu. Hình thức đảm bảo khoản vay: tài sản đảm bảo theo danh mục bên cho vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận ĐKDN			Vốn đã ghi nhận	
	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ	31/12/2015	01/01/2015
	CP	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	1.173.000	11.730.000.000	51,00%	11.730.000.000	11.730.000.000
Các cổ đông khác	1.127.000	11.270.000.000	49,00%	11.270.000.000	11.270.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.300.000</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Năm 2015 Cổ phiếu	Năm 2014 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.300.000	2.300.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.300.000	2.300.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.300.000	2.300.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.300.000	2.300.000
Cổ phiếu phổ thông	2.300.000	2.300.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	23.000.000.000	23.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	23.000.000.000	23.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.300.000.000	1.610.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>326.109.150</b>	<b>4.800.136.163</b>	<b>516.810.160</b>	<b>3.022.939.148</b>	<b>31.665.994.621</b>
Tăng trong năm	-	-	415.369.229	90.688.174	3.209.594.689	3.715.652.092
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.209.594.689	3.209.594.689
Trích lập các quỹ	-	-	415.369.229	90.688.174	-	506.057.403
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.022.939.148</b>	<b>3.022.939.148</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.412.939.148	1.412.939.148
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.610.000.000	1.610.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>326.109.150</b>	<b>5.215.505.392</b>	<b>607.498.334</b>	<b>3.209.594.689</b>	<b>32.358.707.565</b>
<b>Số dư tại 01/01/2015</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>326.109.150</b>	<b>5.215.505.392</b>	<b>607.498.334</b>	<b>3.209.594.689</b>	<b>32.358.707.565</b>
Tăng trong năm	-	-	1.108.347.263	-	4.009.285.090	5.117.632.353
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	4.009.285.090	4.009.285.090
Trích lập các quỹ	-	-	500.848.929	-	-	500.848.929
Phân loại lại theo TT200	-	-	607.498.334	-	-	607.498.334
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>607.498.334</b>	<b>3.209.594.689</b>	<b>3.817.093.023</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	909.594.689	909.594.689
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.300.000.000	2.300.000.000
Phân loại lại theo TT200	-	-	-	607.498.334	-	607.498.334
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>23.000.000.000</b>	<b>326.109.150</b>	<b>6.323.852.655</b>	<b>-</b>	<b>4.009.285.090</b>	<b>33.659.246.895</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.19 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Kinh doanh xăng dầu chính	581.669.933.918	694.132.836.011
Kinh doanh dầu mỡ nhờn	8.840.500.904	8.658.942.903
Kinh doanh Gas và phụ kiện	10.100.165.946	12.249.837.648
DT bán vật tư cột bơm	824.858.727	1.662.663.636
KD dịch vụ vận tải đường bộ	73.446.215.525	84.634.939.279
Cơ khí, sửa chữa	944.809.426	629.912.000
Kinh doanh khác	-	92.727.273
Doanh thu trường lái	16.958.096.365	15.410.253.271
Doanh thu nội bộ	33.698.269.305	147.788.211.909
<b>Tổng</b>	<b>726.482.850.116</b>	<b>965.260.323.930</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>35.120.725.205</b>	<b>148.230.424.909</b>
Giảm giá hàng bán	1.422.455.900	442.213.000
Bù trừ doanh thu nội bộ	33.698.269.305	147.788.211.909
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>691.362.124.911</b>	<b>817.029.899.021</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Kinh doanh xăng dầu chính	540.703.013.321	665.651.033.667
Kinh doanh dầu mỡ nhờn	7.308.871.524	7.222.852.274
Kinh doanh Gas và phụ kiện	7.894.481.932	10.642.115.657
Giá vốn bán vật tư cột bơm	790.100.472	1.658.230.042
Kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ	61.127.799.412	68.000.723.114
Cơ khí, sửa chữa	914.664.042	765.546.959
Giá vốn trường lái	12.654.620.487	12.194.140.779
Giá vốn nội bộ	33.698.269.305	147.788.211.909
<b>Tổng</b>	<b>665.091.820.495</b>	<b>913.922.854.401</b>
Bù trừ giá vốn nội bộ	33.698.269.305	147.788.211.909
<b>Giá vốn sau loại trừ giao dịch nội bộ</b>	<b>631.393.551.190</b>	<b>766.134.642.492</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.21 Doanh thu / Chi phí tài chính**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b><i>Doanh thu hoạt động tài chính</i></b>		
Lãi tiền gửi	35.659.964	20.376.074
Lãi chênh lệch tỷ giá	95.465.159	41.208.535
Lãi bán hàng trả chậm	17.646.988	65.463.596
<b>Tổng</b>	<b>148.772.111</b>	<b>127.048.205</b>
<b><i>Chi phí hoạt động tài chính</i></b>		
Chi phí lãi vay	6.565.019.334	6.860.103.420
Lỗ chênh lệch tỷ giá	38.818.104	42.807.803
Lãi chậm thanh toán, vượt định mức	-	41.271.984
<b>Tổng</b>	<b>6.603.837.438</b>	<b>6.944.183.207</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động tài chính</b>	<b>(6.455.065.327)</b>	<b>(6.817.135.002)</b>

**5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	12.767.663.601	7.328.600.937
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.699.143.028	1.567.763.327
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.367.871.503	2.081.539.380
Thuế, phí, lệ phí	3.106.173.448	2.444.761.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.040.812.885	6.457.659.330
Chi phí bằng tiền khác	5.350.363.034	5.712.318.257
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.494.178.593</b>	<b>14.828.979.532</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.876.245.335	7.979.678.069
Chi phí đồ dùng văn phòng	862.389.302	1.392.162.044
Chi phí khấu hao TSCĐ	894.869.545	862.765.154
Thuế, phí, lệ phí	86.630.681	27.430.909
Chi phí dự phòng	383.949.985	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.695.568.293	3.544.366.197
Chi phí bằng tiền khác	694.525.452	1.022.577.159
<b>Tổng</b>	<b>49.826.206.092</b>	<b>40.421.622.375</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.23 Thu nhập / Chi phí khác**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ	2.628.866.477	1.057.636.364
Thanh lý vật tư	-	148.079.573
Xử lý số dư công nợ nhỏ lẻ	-	4.320
Thu nhập khác	94.545.455	346.604.000
<b>Tổng</b>	<b>2.723.411.932</b>	<b>1.552.324.257</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.190.538.617	477.412.923
Phạt chậm nộp thuế	8.566.301	-
Chi phí khác	130.592	471.348.902
<b>Tổng</b>	<b>1.199.235.510</b>	<b>948.761.825</b>
<b>Lãi (lỗ) hoạt động khác</b>	<b>1.524.176.422</b>	<b>603.562.432</b>

**5.24 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.211.478.724</b>	<b>4.260.061.584</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	199.190.333	603.512.070
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	138.479.000	132.163.168
- Các khoản phạt & chi phí không hợp lý	60.711.333	471.348.902
<b>Lợi nhuận chịu thuế</b>	<b>5.410.669.057</b>	<b>4.863.573.654</b>
<b>Lợi nhuận hoạt động đào tạo lái xe</b>	<b>(98.720.346)</b>	<b>162.660.881</b>
Thuế suất áp dụng	10%	10%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành (a)</b>	<b>(9.872.035)</b>	<b>16.266.088</b>
<b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh xăng dầu, vận tải và hoạt động khác</b>	<b>5.509.389.403</b>	<b>4.700.912.773</b>
Thuế suất áp dụng	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành (b)</b>	<b>1.212.065.669</b>	<b>1.034.200.807</b>
<b>Thuế TNDN phải nộp từ HĐKD chính (a+b)</b>	<b>1.202.193.634</b>	<b>1.050.466.895</b>

**5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.009.285.090</b>	<b>3.209.594.689</b>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>4.009.285.090</b>	<b>3.209.594.689</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.300.000	2.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.743</b>	<b>1.395</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.406.388.118	44.930.373.330
Chi phí nhân công	35.421.720.284	30.295.483.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.572.372.229	10.837.653.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.986.580.317	3.481.454.057
Chi phí khác bằng tiền	49.715.653.927	48.271.107.134
<b>Tổng</b>	<b>140.102.714.875</b>	<b>137.816.071.834</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch với các bên liên quan**

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b><u>Các khoản phải trả</u></b>		
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	-	37.871.299
Công ty xăng dầu Nghệ An	500.460.476	-
Công ty TNHH gas Petrolimex Hải Phòng	278.563.260	164.864.096
<b>Tổng</b>	<b>779.023.736</b>	<b>202.735.395</b>
<b><u>Các khoản phải thu</u></b>		
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	66.723.296	40.656.058
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	4.086.543.642	3.445.459.660
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	247.061.070	210.660.480
<b>Tổng</b>	<b>4.400.328.008</b>	<b>3.696.776.198</b>
<b><u>Trả trước cho người bán</u></b>		
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	3.349.147.103	1.130.402.199
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	1.998.605.774
TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP	88.950.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.438.097.103</b>	<b>3.129.007.973</b>

**Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b><u>Giao dịch mua hàng</u></b>		
Công ty Xăng dầu Nghệ An	297.339.331.496	397.107.667.316
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	265.502.288.630	298.755.011.467
Công ty CP Hóa dầu Petrolimex	9.025.857.694	8.423.971.577
Xí nghiệp Xăng dầu K131 - Công ty XD B12	142.245.310	-
Công ty CP thiết bị xăng dầu Petrolimex	900.080.014	-
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	-	192.131.430
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	7.692.991.032	10.634.037.970
<b>Tổng</b>	<b>580.602.794.176</b>	<b>715.112.819.760</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

**Giao dịch bán hàng**

Công ty Xăng dầu Nghệ An	31.592.108.529	34.824.149.790
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	2.299.061.646	1.806.960.633
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	865.713.829	337.024.978
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	13.960.238.542	15.531.158.535
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	23.399.207.880	33.349.463.325
<b>Tổng</b>	<b>72.116.330.426</b>	<b>85.848.757.261</b>

**Giao dịch khác**

<b>Vay vốn:</b>	<b>103.669.539.236</b>	<b>88.422.792.436</b>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	13.830.529.000	6.346.221.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vinh	19.954.914.236	21.407.671.436
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Vinh	44.243.196.000	27.789.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vinh	15.500.000.000	19.999.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bến Thủy	-	4.675.000.000
- Vay khác	10.140.900.000	8.205.900.000
<b>Lãi vay vốn:</b>	<b>-</b>	<b>6.944.183.207</b>
<b>Tổng</b>	<b>103.669.539.236</b>	<b>95.366.975.643</b>

**Thu nhập của các nhân sự chủ chốt**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2015 VND</b>	<b>Năm 2014 VND</b>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	313.679.000	308.627.162
Ban Giám đốc	Lương và Thu nhập khác	763.212.858	728.494.752
<b>Tổng</b>		<b>1.076.891.858</b>	<b>1.037.121.914</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu mỡ nhờn và gas, vận tải xăng dầu đường bộ và lĩnh vực khác gồm có: đào tạo lái xe, dịch vụ sửa chữa cơ khí, lắp đặt cột bơm...

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu	Trung tâm lái xe	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	34.344.531.108	32.331.012.527	15.077.567.968	81.753.111.603
Tài sản thuê tài chính	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.297.732.380	-	1.297.732.380
Các khoản phải thu	13.013.981.715	4.036.741.290	3.294.543.203	20.345.266.208
Hàng tồn kho	-	10.734.415.146	-	10.734.415.146
Tài sản khác phân bổ	4.814.151.589	7.437.348.860	1.626.881.138	13.878.381.587
<b>Tổng tài sản</b>	<b>52.172.664.412</b>	<b>55.837.250.203</b>	<b>19.998.992.309</b>	<b>128.008.906.924</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	2.371.582.874	2.266.981.797	2.588.842.252	7.227.406.923
Phải trả tiền vay	42.469.790.636	36.131.108.100	9.821.893.700	88.422.792.436
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>44.841.373.510</b>	<b>38.398.089.897</b>	<b>12.410.735.952</b>	<b>95.650.199.359</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu	Trung tâm lái xe	Giảm trừ doanh thu	Tổng
<b>DOANH THU</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	84.634.939.279	714.157.190.562	17.795.556.180	442.213.000	817.029.899.021
Doanh thu xuất cho nội bộ Công ty	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>84.634.939.279</b>	<b>714.157.190.562</b>	<b>17.795.556.180</b>	<b>442.213.000</b>	<b>817.029.899.021</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.225.830.349	267.818.905	45.545.463	-	3.539.194.717
Trừ: Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động KD					3.539.194.717
Lãi tiền gửi	-	125.455.118	-	-	125.455.118
Chi phí tài chính (không phân bổ)					
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	595.411.750	-	595.411.750
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.225.830.349	393.274.023	640.957.212	-	4.260.061.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp	709.682.677	86.520.285	254.263.934	-	(1.050.466.895)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>					<b>3.209.594.689</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2015:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu	Trung tâm lái xe	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	60.357.446.103	32.383.459.991	14.614.284.303	107.355.190.397
Tài sản thuê tài chính	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	365.551.960	47.300.000	412.851.960
Các khoản phải thu	4.400.328.008	9.692.921.476	2.584.806.779	16.678.056.263
Hàng tồn kho	-	10.184.696.955	-	10.184.696.955
Tài sản khác phân bổ	1.386.441.906	11.608.418.931	1.091.862.841	14.086.723.678
<b>Tổng tài sản</b>	<b>66.144.216.017</b>	<b>64.235.049.313</b>	<b>18.338.253.923</b>	<b>148.717.519.253</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	2.371.582.874	7.964.940.481	1.052.209.767	11.388.733.122
Phải trả tiền vay	56.208.639.236	30.457.541.503	17.003.358.497	103.669.539.236
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>58.580.222.110</b>	<b>38.422.481.984</b>	<b>18.055.568.264</b>	<b>115.058.272.358</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu	Trung tâm lái xe	Hàng hóa dịch vụ khác	Giảm trừ doanh thu	Tổng
<b>DOANH THU</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	73.446.215.525	600.610.600.768	16.958.096.365	1.769.668.153	1.422.455.900	691.362.124.911
Doanh thu xuất cho nội bộ Công ty	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>73.446.215.525</b>	<b>600.610.600.768</b>	<b>16.958.096.365</b>		<b>1.422.455.900</b>	<b>691.362.124.911</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.563.715.053	2.020.909.078	(110.997.579)	64.903.639	-	3.538.530.191
Trừ: Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động KD						3.538.530.191
Lãi tiền gửi	-	147.576.862	1.195.249	-	-	148.772.111
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	-	-	-
Thu nhập/ (lỗ) khác không liên quan đến HĐSXKD	942.223.380	40.000.000	487.407.587	54.545.455	-	1.524.176.422
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.505.938.433	2.208.485.940	377.605.257	119.449.094	-	5.211.478.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.128.329	485.866.907	94.919.598	26.278.800	-	(1.202.193.634)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>4.009.285.090</b>

**6.3 Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4 "Các chính sách kế toán chủ yếu".

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

### 6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

#### Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.353.887.444	1.557.699.095
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.236.818.764	11.369.331.691
<b>Tổng</b>	<b>16.590.706.208</b>	<b>12.927.030.786</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	103.669.539.236	88.422.792.436
Phải trả người bán và phải trả khác	5.191.219.429	5.718.583.548
Chi phí phải trả	51.693.000	216.122.179
<b>Tổng</b>	<b>108.912.451.665</b>	<b>94.357.498.163</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

#### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá.

##### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ các nhà cung cấp trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro tín dụng

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục, thường xuyên đối chiếu công nợ và các khách hàng trong cùng Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Các khoản vay	50.978.240.200	52.691.299.036	103.669.539.236
Phải trả người bán và phải trả khác	5.191.219.429	-	5.191.219.429
Chi phí phải trả	51.693.000	-	51.693.000
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2015</b>			
Các khoản vay	59.497.001.800	28.925.790.636	88.422.792.436
Phải trả người bán và phải trả khác	5.718.583.548	-	5.718.583.548
Chi phí phải trả	216.122.179	-	216.122.179

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.353.887.444	-	4.353.887.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.236.818.764	-	12.236.818.764
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.557.699.095	-	1.557.699.095
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.369.331.691	-	11.369.331.691

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

### 6.4 Thông tin so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT/BTC kể từ ngày 01/01/2015. Để thông tin trên Báo cáo tài chính có thể so sánh được, công ty đã trình bày lại hoặc phân loại lại một số khoản mục trên Bảng Cân đối kế toán đầu kỳ cụ thể như sau:

Khoản mục trên Bảng CĐKT tại ngày 01/01/2015	Theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC VND	Theo Thông tư 200/2014/TT/BTC VND	Chênh lệch VND
<b>Tài sản</b>			
Phải thu ngắn hạn khác	844.391.580	1.185.662.580	341.271.000
Tài sản ngắn hạn khác	341.271.000	-	(341.271.000)
<b>Nguồn vốn</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	59.497.001.800	-	(59.497.001.800)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	59.497.001.800	59.497.001.800
Vay và nợ dài hạn	28.925.790.636	-	(28.925.790.636)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	28.925.790.636	28.925.790.636
Quỹ đầu tư phát triển	5.215.505.392	5.823.003.726	607.498.334
Quỹ dự phòng tài chính	607.498.334	-	(607.498.334)

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Trần Thị Hồi

Kế toán trưởng

Đào Ngọc Tiến

Nghệ An, ngày 15 tháng 02 năm 2016

Giám đốc



Hoàng Công Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC - CUNG CẤP THÔNG TIN HỢP NHẤT**

MẪU 02-B/HN-CTC

**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2015

**Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác**

*ĐVT: Đồng*

ST T	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác	
				Tổng số	Trong đó:			
					Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận		
A	B	C	1	2	3	4	5	
1	11011001	Công ty Xăng dầu Nghệ An	31.592.108.529					
2	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	2.299.061.646					
3	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	865.713.829					
4	30101008	Công ty petrolimex Lào	23.399.207.880					
5	11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	13.960.238.542					
6	11056100	Công ty TNHH gas Petrolimex Hải Phòng						
		<b>Cộng</b>	<b>72.116.330.426</b>	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

PHỤ LỤC - CUNG CẤP THÔNG TIN HỢP NHẤT

MẪU 03-B/HN-CTC

BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2015

ĐVT: Đồng

STT	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	H.hóa khác
A	B	C	1	2	3	4
I		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	7.010.308.091	2.657.701.095	765.234.574	49.102.979
II		Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	562.983.865.436	9.025.857.694	7.692.991.032	900.080.014
1	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	297.339.331.496			
2	11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	265.502.288.630			
3	26015669	TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP		9.025.857.694		
4	11024000	Xí nghiệp Xăng dầu K131_Công ty XD B12	142.245.310			
5	11056100	Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng			7.692.991.032	
6	11025000	Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn Petrolimex				
	11011212	Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex				900.080.014
III		Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	565.031.663.038	7.965.500.234	7.655.714.932	454.553.941
IV		Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	4.962.510.489	3.718.058.555	802.510.674	494.629.052



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

PHỤ LỤC - CUNG CẤP THÔNG TIN HỢP NHẤT

MẪU 04-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 31 Tháng 12 năm 2015

*DVT: Đồng*

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
		<b>PHẦN I: NGẮN HẠN</b>	<b>4.400.328.008</b>	<b>3.438.097.103</b>	-	-	-	-
1	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-					
2	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An						
3	11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh		3.349.147.103				
4	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	247.061.070					
5	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	66.723.296					
6	30101008	Công ty TNHH MTV Petrolimex Lao	4.086.543.642					
7	26015669	TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP		88.950.000				
8	23000701	Công ty CP Gas Petrolimex						
9	11056100	Công ty TNHH Gas petrolimex Hải Phòng						
10	11022000	Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex						
		<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX NGHỆ TĨNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

PHỤ LỤC - CUNG CẤP THÔNG TIN HỢP NHẤT

MẪU 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 31 tháng 12 năm 2015

*DVT: Đồng*

STT	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HỖXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	1	2	3	4	5	6
<b>PHẦN I: NGẮN HẠN</b>			<b>779.023.736</b>	-	-	-	-	-
1	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An	500.460.476					
2	11063000	Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh						
3	11056100	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	278.563.260					
4	26015669	Công ty CP Hóa dầu Petrolimex		-				
5	11038000	Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex (Pjico)						
6	11070000	Ngân hàng TMCP XD Petrolimex						-
7	23000701	Công ty CP Gas Petrolimex						
8	11022000	Công ty CP Thiết bị Xăng dầu Petrolimex						
<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>			-	-	-	-	-	-
1	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ An						
2	11056100	Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng						

